

**ĐỀ CHÍNH THỨC****ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN  
NĂM HỌC 2013-2014  
MÔN THI: TOÁN 8  
Ngày thi: 12/04/2014****Câu 1. (4 điểm)**

Cho biểu thức :  $A = \left[ \frac{2}{3x} - \frac{2}{x+1} \cdot \left( \frac{x+1}{3x} - x - 1 \right) \right] : \frac{x-1}{x}$

- Rút gọn biểu thức  $A$
- Tìm giá trị nguyên của  $x$  để  $A$  nhận giá trị nguyên.

**Câu 2. (4 điểm)**

a) Chứng minh rằng:  $A = \left[ n^3(n^2 - 7)^2 - 36n \right] : 7 \quad \forall n \in \mathbb{Z}$

- Cho  $P = n^4 + 4$ . Tìm tất cả các số tự nhiên  $n$  để  $P$  là số nguyên tố.

**Câu 3. (4 điểm)**

a) Giải phương trình:  $\frac{1}{x^2 + 9x + 20} + \frac{1}{x^2 + 11x + 30} + \frac{1}{x^2 + 13x + 42} = \frac{1}{18}$

- Cho  $a, b, c$  là ba cạnh của một tam giác. Chứng minh rằng:

$$A = \frac{a}{b+c-a} + \frac{b}{a+c-b} + \frac{c}{a+b-c} \geq 3$$

**Câu 4. (6 điểm)**

Gọi  $O$  là trung điểm của đoạn thẳng  $AB$ . Trên cùng một nửa mặt phẳng bờ là đường thẳng  $AB$  kẻ hai tia  $Ax$  và  $By$  cùng vuông góc với  $AB$ . Trên tia  $Ax$  lấy điểm  $C$  ( $C \neq A$ ). Từ  $O$  kẻ đường thẳng vuông góc với  $OC$ , đường thẳng này cắt  $By$  tại  $D$ . Từ  $O$  hạ đường vuông góc  $OM$  xuống  $CD$  ( $M$  thuộc  $CD$ ).

- Chứng minh  $OA^2 = AC \cdot BD$
- Chứng minh tam giác  $AMB$  vuông.
- Gọi  $N$  là giao điểm của  $BC$  và  $AD$ . Chứng minh  $MN \parallel AC$ .

**Câu 5. (2 điểm)**

Cho  $a, b, c$  là các số thực dương thỏa mãn  $a + b + c = 1$ . Chứng minh rằng:

$$\frac{a+bc}{b+c} + \frac{b+ca}{c+a} + \frac{c+ab}{a+b} \geq 2$$



## ĐÁP ÁN

### Câu 1.

$$\text{a) } A = \left[ \frac{2}{3x} - \frac{2}{x+1} \cdot \left( \frac{x+1}{3x} - x - 1 \right) \right] : \frac{x-1}{x}$$

$$A = \left[ \frac{2}{3x} - \frac{2}{x+1} \cdot \frac{(x+1) - 3x(x+1)}{3x} \right] : \frac{x-1}{x}$$

$$A = \left[ \frac{2}{3x} - \frac{2(1-3x)}{3x} \right] \cdot \frac{x}{x-1}$$

$$A = 2 \cdot \frac{x}{x-1} = \frac{2x}{x-1}$$

$$\text{b) Với } x \neq 0; x \neq \pm 1. \text{ Ta có: } A = \frac{2x}{x-1} = 2 + \frac{2}{x-1}$$

Để  $A \in \mathbb{Z}$  thì  $(x-1)$  phải là ước của 2  $\Rightarrow x-1 \in \{\pm 1; \pm 2\}$

Xét từng trường hợp tìm  $x$ , đối chiếu điều kiện  $\Rightarrow x \in \{2; 3\}$

### Câu 2.

a) Ta có:

$$A = \left[ n^3(n^2 - 7)^2 - 36n \right]$$

$$= n \left[ n(n^2 - 7) - 6 \right] \left[ n(n^2 - 7) + 6 \right] = n(n^3 - 7n - 6)(n^3 - 7n + 6)$$

$$= n(n^3 - n - 6n - 6)(n^3 - n - 6n + 6) = n \left[ n(n^2 - 1) - 6(n+1) \right] \left[ n(n^2 - 1) - 6(n-1) \right]$$

$$= n(n+1)(n^2 - n - 6)(n-1)(n^2 + n - 6) = n(n+1)(n+2)(n-3)(n-1)(n-2)(n+3)$$

Do đó  $A$  là tích của 7 số nguyên liên tiếp nên  $A:7 \quad \forall n \in \mathbb{Z}$

$$P = n^4 + 4 = n^4 + 4n^2 + 4 - 4n^2 = (n^2 + 2) - (2n)^2$$

$$\text{b) } = (n^2 - 2n + 2)(n^2 + 2n + 2) = \left[ (n-1)^2 + 1 \right] \cdot \left[ (n+1)^2 + 1 \right]$$

Vì  $n$  là số tự nhiên nên  $(n+1)^2 + 1 \geq 2$ . Như vậy muốn  $P$  là số nguyên tố thì phải

có  $(n-1)^2 + 1 = 1$  hay  $(n-1)^2 = 0 \Rightarrow n = 1$

Khi đó  $P = 5$  là số nguyên tố.

**Câu 3.**

a)  $x^2 + 9x + 20 = (x + 4)(x + 5)$

$$x^2 + 11x + 30 = (x + 6)(x + 5)$$

$$x^2 + 13x + 42 = (x + 6)(x + 7)$$

TXĐ:  $x \neq \{-4; -5; -6; -7\}$

Phương trình trở thành:

$$\frac{1}{(x+4)(x+5)} + \frac{1}{(x+5)(x+6)} + \frac{1}{(x+6)(x+7)} = \frac{1}{18}$$

$$\Leftrightarrow \frac{1}{x+4} - \frac{1}{x+5} + \frac{1}{x+5} - \frac{1}{x+6} + \frac{1}{x+6} - \frac{1}{x+7} = \frac{1}{18}$$

$$\Leftrightarrow \frac{1}{x+4} - \frac{1}{x+7} = \frac{1}{18}$$

$$\Rightarrow 18(x+7) - 18(x+4) = (x+7)(x+4)$$

$$\Leftrightarrow (x+13)(x-2) = 0 \Rightarrow \begin{cases} x = -13 \\ x = 2 \end{cases}$$

$$S = \{-13; 2\}$$

b) Đặt  $b + c - a = x > 0; c + a - b = y > 0; a + b - c = z > 0$ . Ta có  $x, y, z > 0$

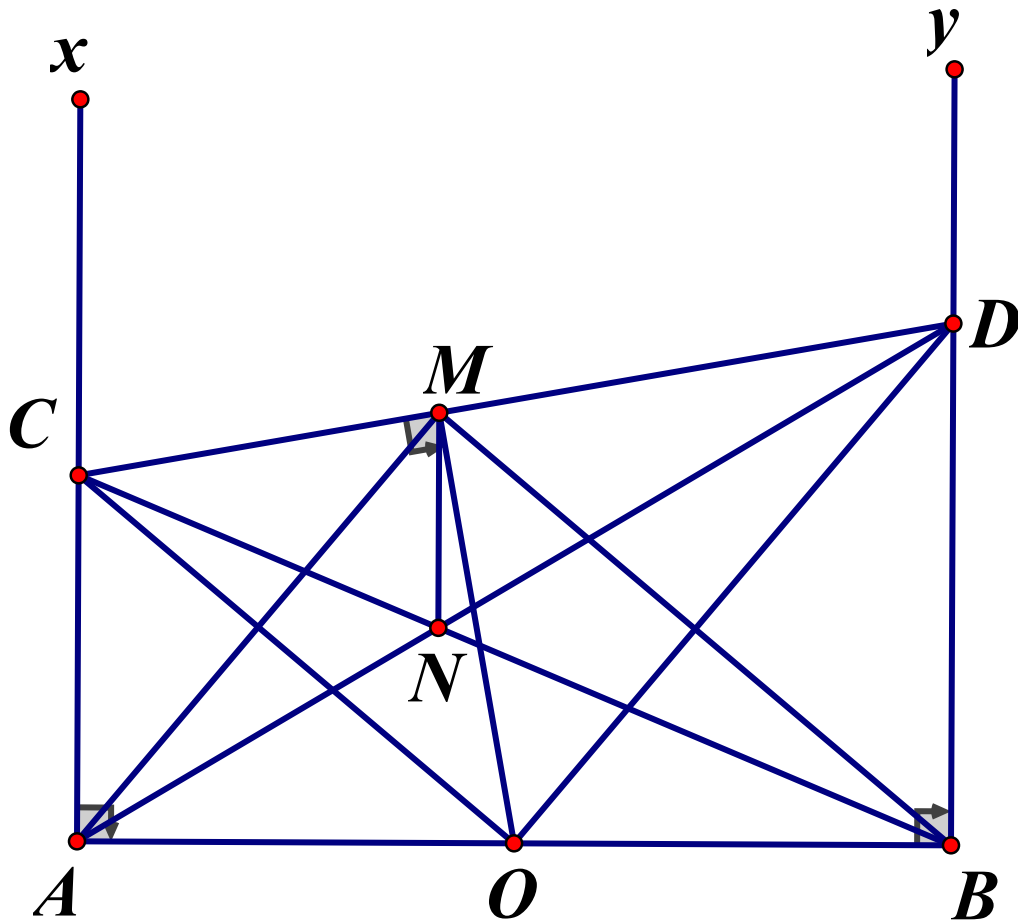
Từ đó suy ra  $a = \frac{y+z}{2}; b = \frac{x+z}{2}; c = \frac{x+y}{2};$

Thay vào ta được 
$$A = \frac{y+z}{2x} + \frac{x+z}{2y} + \frac{x+y}{2z} = \frac{1}{2} \left[ \left( \frac{y}{x} + \frac{x}{y} \right) + \left( \frac{x}{z} + \frac{z}{x} \right) + \left( \frac{y}{z} + \frac{z}{y} \right) \right]$$

Từ đó suy ra  $A \geq \frac{1}{2}(2+2+2) = 3 \quad \text{hay} \quad A \geq 3$

Dấu “=” xảy ra  $\Leftrightarrow a = b = c$

Câu 4.



a) Xét  $\triangle ACO$  và  $\triangle BOD$  có:  $\hat{A} = \hat{B} = 90^\circ$ ;  $\hat{COA} = \hat{DOB}$  (cùng phụ với  $\hat{AOB}$ )

$$\text{Nên } \triangle ACO \sim \triangle BOD (g.g) \Rightarrow \frac{AO}{AC} = \frac{BO}{BD} \Rightarrow AO \cdot BO = AC \cdot BD$$

$$\text{Mà } AO = BO \text{ nên } AO^2 = AC \cdot BD$$

b) Xét  $\triangle CMO$  và  $\triangle OMD$  có:  $\hat{CMO} = \hat{MDO} = 90^\circ$ ;  $\hat{COM} = \hat{DOM}$  (cùng phụ với

$$\hat{COM}) \Rightarrow \triangle CMO \sim \triangle OMD (g.g) \Rightarrow \frac{CO}{OD} = \frac{OM}{MD} \quad (1)$$

$$\text{Mà } \triangle ACO \sim \triangle BOD \Rightarrow \frac{CO}{OD} = \frac{AO}{BO} \Rightarrow \frac{CO}{OD} = \frac{AO}{BO} \quad (2) \quad (\text{Do } AO = BO)$$

$$\text{Từ (1) và (2) ta có } \frac{OM}{MD} = \frac{AO}{BO} \Rightarrow \triangle OMD \sim \triangle OBD$$

$\Rightarrow \square MOD = \square BOD \Rightarrow \triangle OMD = \triangle OBD$  (cạnh huyền – góc nhọn)

$\Rightarrow OM = OB = OA$  suy ra  $\triangle AMB$  vuông tại M

c) Ta có:  $AC \parallel BD$  (cùng  $\perp AB$ )  $\Rightarrow \frac{CN}{NB} = \frac{AC}{BD}$

Mà  $BD = MD$  (hai cạnh tương ứng của hai tam giác bằng nhau)

Tương tự ta chứng minh :  $AC = CM$

$$\frac{CN}{BN} = \frac{CM}{DM} \Rightarrow MN \parallel BD \parallel AC$$

Nên

### Câu 5.

Nhận xét có:  $a + bc = a(a + b + c) + bc = (a + b)(c + a)$

Tương tự có:  $b + ca = (b + a)(b + c)$  ;  $c + ab = (c + a)(c + b)$

$$VT = \frac{(a+b)(a+c)}{b+c} + \frac{(b+a)(b+c)}{c+a} + \frac{(c+a)(c+b)}{a+b}$$

Do đó

Áp dụng bất đẳng thức Cô – si ta có:

$$\frac{(a+b)(a+c)}{b+c} + \frac{(b+a)(b+c)}{c+a} \geq 2(a+b)$$

$$\frac{(a+b)(a+c)}{b+c} + \frac{(c+a)(c+b)}{a+b} \geq 2(a+c)$$

$$\frac{(b+a)(b+c)}{a+c} + \frac{(c+a)(c+b)}{a+b} \geq 2(b+c)$$

Vậy  $2.VT \geq 4(a+b+c) = 4$  hay  $VT \geq 2$  (dpcm)

Đẳng thức xảy ra khi  $a = b = c = \frac{1}{3}$